

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 13-6-2023

V/v chia tài sản sau khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hiệp.

Ông Lê Văn Duy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2022/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 171/2022/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Số 19 Lê L, TT.Tăng Bạt H, Hoài Ân, Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng K, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Gia Tr, Ân Đ, Hoài Ân, Bình Định; có mặt.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Di, sinh năm 1935; Nơi cư trú: Gia Tr, Ân Đ, Hoài Ân, Bình Định; vắng mặt.

2. Bà Dương Thị Ng; Nơi cư trú: Gia Chi, TT. Tăng Bạt H, Hoài Ân, Bình Định; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Ki, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Du T, TT. Tăng Bạt H, Hoài Ân, Bình Định; vắng mặt.

4. Bà Phan Thị T; Nơi cư trú: Gia Ch, TT. Tăng Bạt H, Hoài Ân, Bình Định; vắng mặt.

5. Bà Hồ Thị M, sinh năm 1947; Nơi cư trú: 104A đường Hùng V, TT. Tăng Bạt H, Hoài Ân, Bình Định; vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1946; Nơi cư trú: Gò C, TT. Tăng Bạt H, Hoài Ân, Bình Định; có mặt.

7. Nguyễn Trọng H; Nơi cư trú: Số 21 Nguyễn Tất Th, TT. Tăng Bạt H, Hoài Ân, Bình Định; vắng mặt.

8. Ông phạm Văn Hạ, sinh năm 1951; Nơi cư trú: Đức L, Ân Đ, Hoài Ân, Bình Định; vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Gia Ch, TT. Tăng Bạt H, Hoài Ân, Bình Định; vắng mặt.

10. Bà Võ Thị Tuyết V, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Gia Tr, Ân Đ, Hoài Ân, Bình Định; vắng mặt.

11. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1953; Nơi cư trú: Phú Th, Ân Đ, Ân Đ, Hoài Ân, Bình Định; vắng mặt.

12. Ông Dương Văn Tà; Nơi cư trú: Gia Tr, Ân Đ, Hoài Ân, Bình Định; vắng mặt.

13. Ông Bùi Long Th, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Gò C, TT. Tăng Bạt H, Hoài Ân, Bình Định; vắng mặt.

14. Ông Dương Minh S, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Gò C, TT. Tăng Bạt H, Hoài Ân, Bình Định; vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch.

- *Kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch trình bày:

Tài sản chung của bà và ông K gồm: Nhà, đất ở và tài sản trong nhà tại số 19 Lê L, TT. Tăng Bạt H, Hoài Ân, Bình Định; nhà ở và các công trình phụ, toàn bộ cây cảnh tại Gia Tr, Ân Đ, Hoài Ân; 01 thửa đất trồng đào có diện tích 8.047m², tại Gia Tr, Ân Đ, Hoài Ân; số lượng gỗ để tại nhà ở Gia Tr có giá trị khoảng 250.000.000đ, do ông K đang quản lý; số tiền 34.000.000đ do ông K chuyển cho bà Võ Thị Tuyết V và một số

tài sản ông K gửi tại nhà bà V như 01 bộ bàn, 01 tủ gỗ hương và một số tài sản khác; 01 bộ bàn chân tiện có 08 ghế (gỗ hương) ông K gửi tại nhà ông Phạm Văn B; 01 tủ lạnh, 02 chậu sanh rừng và một số tài sản khác ông K gửi tại nhà ông Nguyễn Di; ông K đang quản lý một sợi dây chuyền vàng tây trị giá 8.400.000đ và 70.500.000đ tiền bán cây cảnh, bán lúa.

Toàn bộ khối tài sản trên, bà Ch không yêu cầu định giá lại, yêu cầu Tòa án căn cứ vào các biên bản định giá năm 2011 và 2012 để làm cơ sở cho việc xác định giá trị. Bà Ch yêu cầu nhận ngôi nhà, đất ở và các tài sản trong nhà tại số 19 Lê L, TT.Tăng Bạt H; 1/2 diện tích đất Gò tranh tại Gia Tr, Ân Đ; còn lại các tài sản khác thì phân chia theo quy định của pháp luật. Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân; nợ bà Phan Thị T 20.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thị K 10.000.000đ; nợ bà Hồ Thị M 10.000.000đ; nợ ông Nguyễn Văn X 04 chỉ vàng 9999; nợ ông Nguyễn Trọng H 1.700.000đ. Đối với các khoản nợ chung thì yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Trọng K trình bày:

Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thì ông thống nhất như trong biên bản các lần định giá trước đây. Ông không chấp nhận các tài sản như giá trị cây bạch đàn tại Gò tranh; số tiền ông chuyển cho bà V là tiền ông mượn của ông Hạ để chuyển tiền mua cây cảnh chứ không phải tiền của ông; số gỗ để tại nhà ở Gia Tr bà Ch đã lấy sử dụng, còn lại bị mối mọt ăn không còn giá trị; các tài sản bà Ch cho rằng ông gửi cho người khác là không có. Ông yêu cầu định giá lại giá trị ngôi nhà và đất ở tại số 19 Lê L. Đối với các khoản nợ chung, ông chấp nhận ông và bà Ch trong thời kỳ hôn nhân có nợ Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam Chi nhánh Hoài Ân 47.711.113đ (ông đã trả xong), nợ ông Nguyễn Trọng H 1.700.000đ, nợ ông Nguyễn Văn X 04 chỉ vàng 24k (ông đã trả xong), còn lại các khoản nợ khác là bà Ch nợ. Về phần chia tài sản chung: ông K chấp nhận cho bà Ch sử dụng ngôi nhà tại số 19 Lê L và các tài sản lâu nay bà Ch quản lý; ông yêu cầu sử dụng phần nhà tại Gia Tr và phần đất tại Gò tranh; còn lại các tài sản khác chia theo pháp luật; đối với số nợ ông yêu cầu HĐXX xem xét chia cho mỗi bên trả nợ phù hợp. Sau khi cân đối việc nhận tài sản và việc trả nợ, bên nào nhận giá trị nhiều hơn thì thôi lại giá trị chênh lệch cho bên kia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Nguyễn Di: Số cây bạch đàn tại Gò tranh là do ông K tự trồng trên đất họ Đào từ năm 1991; còn bà Ch khai ông K có gửi tại nhà ông 02 chậu sanh, 01 tủ lạnh và các tài sản khác là không đúng.

- Đại diện Chi nhánh Ngân hàng NN & PTNT Hoài Ân: Năm 2010 ông K và bà Ch có vay của Ngân hàng 30.000.000đ; đến năm 2014 ông K đã trả cả gốc và lãi là 47.711.113đ, nay Ngân hàng không có yêu cầu gì.

- Ông Nguyễn X: Năm 2009, ông K, bà Ch có mượn của ông 04 chỉ vàng 9999, không có giấy tờ gì; nay ông yêu cầu bà Ch và ông K phải trả cho ông số nợ trên.

- Bà Phan Thị T: Năm 2009, bà Ch có vay của bà 20.000.000đ; việc vay mượn bà Ch có viết giấy vay, không có ông K; nay bà yêu cầu bà Ch phải trả số tiền đó cho bà.

- Bà Hồ Thị M: Tháng 12/2010, bà Ch có vay của bà 30.000.000đ; đến tháng 01/2011, bà Ch trả 20.000.000đ; nay bà yêu cầu bà Ch trả số nợ là 10.000.000đ. Bà yêu cầu bà Ch phải trả nợ cho bà.

- Bà Nguyễn Thị Bích K: Năm 2011, bà Ch có mượn của bà 30.000.000đ; năm 2013, bà Ch đã trả 20.000.000đ; việc vay mượn chỉ có bà Ch sử dụng vào mục đích riêng, không có ông K; nay bà yêu cầu bà Ch phải trả cho bà 10.000.000đ.

- Ông Nguyễn Trọng H: Thời gian ông không nhớ, bà Ch có đến cửa hàng của ông mua 01 tủ lạnh, còn nợ 1.700.000đ; nay ông yêu cầu bà Ch phải trả cho ông 1.700.000đ.

- Ông Phạm Văn Hạ: Năm 2011, ông K có vay của ông 30.000.000đ, sau đó ông K đã trả cho ông 20.000.000đ, còn nợ 10.000.000đ; việc vay mượn là giữa ông với ông K, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Võ Thị Tuyết V: Năm 2012, ông K có nhờ bà mua cây giống tại Sài Gòn, nên ông K có chuyển cho bà 34.000.000đ, đây là tiền ông K mượn của ông Hạ; còn việc bà Ch cho rằng ông K gửi cho bà một số tài sản như bàn, ghế; tủ gỗ hương là không có.

- Ông Bùi Long Th và ông Dương Minh S: Năm 2010, mỗi người có mua của ông K, bà Ch 01 lô đất, giá trị mỗi lô là 30.000.000đ; họ đã trả xong tiền cho ông K, bà Ch và đã làm thủ tục sang nhượng. Nay không còn liên quan gì đến tài sản của bà Ch, ông K.

- Bà Nguyễn Thị Ph: Bà là vợ ông Đoàn Văn Nhu (ông Nhu đã chết). Ông K cho rằng chồng bà có vay tiền của vợ chồng ông K là không đúng, bà không chấp nhận yêu cầu của ông K.

Bản án dân sự sơ thẩm số 171/2022/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Ch và ông Nguyễn Trọng K sau ly hôn. Cụ thể như sau:

Giao cho bà Nguyễn Thị Ch được quyền sở hữu khối tài sản chung bao gồm: 01 ngôi nhà tại số 19 Lê L có trị giá 57.342.958đ, thửa đất số hiệu 125 tờ bản đồ số 5 diện tích 158,4m² ở 19 Lê L, TT.Tăng Bạt H có giá trị 2.562.159.000đ, lưới B40 trị giá 453.000đ; 01 chiếc xe Draem giá 6.500.000đ. Tài sản tại ngã 3 Công an bà Ch đã sử dụng có giá 7.540.000đ; 200 cây Cau cảnh giá 1.000.000đ; 04 cây Sâm banh giá 400.000đ. Tổng trị giá 2.635.394.958đ. Bà Nguyễn Ch phải thối lại tiền chênh lệch chia tài sản cho ông K 1.167.754.374đ.

Giao cho ông Nguyễn Trọng K sở hữu toàn bộ khối tài sản, bao gồm: Thửa đất Gò tranh có số hiệu 21, tờ bản đồ số 02 diện tích 8.047m², tại Gia Tr, Ân Đ có giá trị 60.000.000đ; ngôi nhà ở tại Gia Tr, Ân Đ có giá trị 46.983.240đ; tài sản trong nhà có giá trị 13.023.170đ; cây trên rẫy có giá trị 1.789.800đ. Về cây cảnh và các loại cây khác: 01 chậu Sanh giá 1.500.000đ, 01 chậu Bồ đề giá 1.000.000đ, 01 chậu Sanh giá 4.000.000đ, 06 chậu Sanh giá 9.000.000đ, 01 chậu Sanh giá 1.000.000đ, 04 chậu Sanh giá 7.000.000đ, 03 chậu Sanh giá 4.500.000đ, 01 chậu Sanh giá 500.000đ, 06 cây sanh trồng ngoài đất giá 1.000.000đ, 02 cây Sanh trồng ngoài đất giá 2.500.000đ, 02 chậu Sanh giá 1.000.000đ, 07 cây Sanh trồng ngoài đất giá 2.000.000đ, 01 chậu Sanh giá 2.000.000đ, 02 cây Sanh ngoài đất giá 2.000.000đ, 01 gốc Sanh giá 2.000.000đ, 03 cây Sanh giá 1.800.000đ, 01 cây sanh ngoài đất giá 2.000.000đ, 01 cây Sanh ngoài đất giá 2.000.000đ, 06 cây Sanh ngoài đất giá 3.000.000đ, 02 cây Sanh ngoài đất giá 300.000đ, 05 cây keo tam giác giá 500.000đ, 05 cây sâm banh giá 3.000.000đ, 02 cây Sanh giá 2.000.000đ, 03 cây Sanh giá 900.000đ, 04 cây Mai nhỏ giá 200.000đ, 01 chậu Sanh nhỏ giá 100.000đ, 19 chậu bông giấy giá 500.000đ, 01 cây Sôn sán giá 1.500.000đ, 01 cây Sanh mỹ giá 1.000.000đ, 01 chậu Sanh giá 1.000.000đ, 02 chậu Sanh giá 650.000đ, 01 chậu Dâu giá 2.500.000đ, 12 chậu Mai giá 18.000.000đ, 01 chậu Duối giá 1.000.000đ, 02 cây Lộc vùng ngoài đất giá 2.500.000đ, 01 chậu Me giá 1.000.000đ, 01 cây Bằng lăng giá 500.000đ, 01 chậu Lộc vùng giá 500.000đ, 06 chậu Me giá 700.000đ, 06 chậu Mai lớn giá 45.000.000đ, 05 cây Chè giá 350.000đ, 03 cây Sứ giá 1.200.000đ, 01 cây Khế giá 3.500.000đ, 01 cây Duối giá 10.000.000đ, 01 cây Sanh giá 1.000.000đ, 01 cây Lộc vùng lớn giá 7.000.000đ, 23 cây Me nhật giá 1.800.000đ, 05 cây Keo vua giá 700.000đ, 10 cây Keo nhật giá 400.000đ, 01 cây bông Giấy giá 1.300.000đ, 04 cây Keo tam giác giá 300.000đ, 01 cây Tò te giá 3.000.000đ, 05 chậu Mai chiếu thủy giá 1.500.000đ, 38 chậu Mai nhỏ giá 4.500.000đ, 02 chậu Phong lan giá 500.000đ, 03 bụi tre măng giá 150.000đ, 50 cây Sao giá 3.000.000đ, 08 cây Gió giá 2.040.000đ, 01 cây Sa bô chê giá 75.000đ, 06 cây Mít giá 384.000đ, 01 cây Cóc giá 180.000đ, 04 trụ Tiêu giá 720.000đ, 09 cây Dừa xiêm giá 945.000đ, 01 cây Quýt đường giá 180.000đ, 04 cây Xà cừ giá 1.056.000đ, 04 cây Dừa ta giá 1.000.000đ, 12 cây Chôm chôm giá 2.160.000đ, 01 cây Bưởi giá 180.000đ, 22 cây Bạch đàn giá 4.305.000đ. Tổng giá trị là 299.886.210đ. Ông K được nhận 1.167.754.374đ về khoản tiền chênh lệch chia tài sản do bà Nguyễn Thị Ch giao.

2. Về nợ chung: Ông Nguyễn Trọng K và bà Nguyễn Thị Ch mỗi người phải trả cho ông Nguyễn Văn X 02 chỉ vàng 24k, trả cho ông Nguyễn Trọng H 850.000đ. Bà Nguyễn Thị Ch phải trả cho bà Phan Thị T 20.000.000đ; trả cho bà Nguyễn Thị K 10.000.000đ; trả cho bà Hồ Thị M 10.000.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch kháng cáo toàn bộ bản án yêu cầu hủy bản án sơ thẩm; Yêu cầu xác định lại tổng giá trị tài sản ông K quản lý, sử dụng bao gồm cả khoản tiền 34.000.000đ ông K chuyển cho bà Võ Thị Tuyết V năm 2011 và hàng trăm triệu đồng bán cây cảnh cho các cơ quan, đơn vị; Yêu cầu chia hiện vật nhà và đất. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà Ch chỉ yêu cầu xem xét lại giá trị số lượng gỗ để tại nhà ở Gia Tr do ông K đang quản lý. Yêu cầu chia hiện vật nhà và đất. Rút các phần kháng cáo còn lại.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân kháng nghị yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm xác định số lượng gỗ hương không còn nên không có căn cứ xác định giá trị; Thửa đất số 21 ngày 30.6.2011 các đương sự thỏa thuận giá 60.000.000đ đến nay đã hơn 10 năm nhưng cấp sơ thẩm không xác định lại theo giá thị trường; Ông K và bà Ch đều thừa nhận có nợ vợ chồng ông Trần Văn X, bà Trần Thị Ở 04 chỉ vàng 9999 nhưng cấp sơ thẩm không đưa bà Ở vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Bản án số 26/2016/HNGĐ-PT ngày 29.9.2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định “ Về các tài sản khác như: Các khoản nợ, tài sản mà bà Ch cho rằng ông K tẩu tán, tài sản mà ông K tự ý bán trong thời gian chờ Tòa án giải quyết vụ án giữa ông K, bà Ch khai mâu thuẫn nhau nhưng Tòa án không cho đối chất giữa các đương sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng”. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Chín rút một phần kháng cáo và tài sản đã được định giá. Cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng nhưng chưa nghiêm trọng nên đề nghị thay đổi nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân, sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Đề nghị: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch; Chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân và đề nghị thay đổi nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân: Đình chỉ xem xét đối với các giá trị tài sản mà bà Ch đã rút yêu cầu. Chấp nhận chia đôi giá trị tài sản chung còn lại cho ông K, bà Ch theo kết quả định giá tài sản ngày 17/02/2023: Giao cho bà Ch sở hữu một phần nhà đất tại 19 Lê L và ½ đất rẫy Gò Tranh có gắn phần mộ con bà Ch và sở hữu toàn bộ số gỗ còn lại; Giao cho ông K sở hữu phần đất còn lại tại 19 Lê L và đất rẫy Gò Tranh. Buộc bà Ch thanh toán lại cho ông K giá trị tài sản chênh lệch. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng mỗi bên chịu ½. Về án phí phúc thẩm bà Ch không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Ch rút kháng cáo phần khoản tiền 34.000.000đ ông K chuyển cho bà Võ Thị Tuyết V năm 2011 và số tiền ông Kim bán cây cảnh cho các cơ quan, đơn vị. Việc bà Ch rút kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Căn cứ khoản 3 Điều 289 của Bộ

luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phản kháng cáo của bà Ch.

[2] Bà Chín kháng cáo về giá trị số lượng gỗ tại nhà Gia Tr do ông K quản lý. Xét thấy: Hội đồng định giá cấp sơ thẩm có lập bảng kê số cây ông K quản lý nhưng không xác định giá trị vì cây gỗ không rõ nguồn gốc. Ngày 10/3/2022, Hội đồng định giá cấp sơ thẩm định giá lại nhưng do số gỗ còn lại bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng nên không thể tiến hành việc định giá. Bà Ch nại số lượng gỗ ông K quản lý giá trị khoảng 250.000.000đ nhưng ông K nại giá trị 50.000.000đ. Tại phiên tòa, ông K nại số gỗ trước đây ông quản lý nhưng sau này bà Ch đã lấy đi một số, số còn lại bị mối mọt ăn và ông đồng ý giao số gỗ này cho bà Ch, không yêu cầu bà Ch thanh toán lại giá trị nhưng bà Ch không đồng ý. Ông K là người quản lý tài sản nên phải có trách nhiệm bảo quản. Tài sản không định giá được và bà Ch chấp nhận theo giá ông K xác định là 50.000.000đ. Do đó, HĐXX chấp nhận số lượng gỗ do ông K quản lý theo ông K xác định giá trị 50.000.000đ.

[3] Bà Ch kháng cáo yêu cầu chia hiện vật nhà đất thuộc thửa đất 125, tờ bản đồ số 25, diện tích 158,4m², địa chỉ: số 19 đường Lê L thuộc Thôn Gia Ch, TT.Tăng Bạt H, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định đã UBND huyện Hoài Ân cấp GCNQSD đất và QSH nhà số BA 528989, sổ vào sổ cấp GNC CH00187 ngày 31.8.2010 cho ông Nguyễn Trọng K, bà Nguyễn Thị Ch. Xét thấy: Qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17.02.2023, hiện trạng nhà đất chia được bằng hiện vật. Từ năm 2011 đến nay, bà Ch trực tiếp quản lý, sử dụng, bảo quản nhà đất này và bà Ch có công sức trong việc bảo quản, duy trì khối tài sản chung. Căn cứ khoản 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chia bà Ch phần nhà đất diện tích 91,4m², chia cho ông K phần nhà đất diện tích 67m² và bà Ch có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông K giá trị chênh lệch.

[4] Bà Ch kháng cáo yêu cầu chia hiện vật thửa đất số 21, tờ bản đồ số 02, khoảnh 1, tiểu khu 113, diện tích 8047m² đất rừng, địa chỉ: Thôn Gia Tr, xã Ân Đ, huyện Hoài Ân đã UBND huyện Hoài Ân cấp GCNQSD sổ vào sổ H00235 ngày 12.8.2009 cho ông Nguyễn Trọng K, bà Nguyễn Thị Ch. Xét thấy: Qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17.02.2023: diện tích thửa đất 8.573m² trong đó, diện tích lối đi chung là 161m², diện tích còn lại 8.412m² chia được bằng hiện vật. Căn cứ khoản 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chia bà Ch, ông K mỗi người 4.206m², riêng bà Ch nhận phần đất có mộ con bà Ch trên đất.

[5] Chia tài sản:

[5.1] Bà Ch được chia:

- Nhà và đất diện tích 91,4m² đất ở thuộc thửa đất 125, tờ bản đồ số 25, địa chỉ: số 19 đường Lê L thuộc Thôn Gia Ch, TT.Tăng Bạt H, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định:

Đất: $17.500.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 91,4\text{m}^2 = 1.599.500.000\text{đ}$.

Nhà: $(93.510.016\text{đ} \times 91,4\text{m}^2) / 158,4\text{m}^2 = 53.957.168\text{đ}$

- 4206m² đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 02, khoảnh 1, tiểu khu 113, địa chỉ: Thôn Gia Tr, xã Ân Đ, huyện Hoài Ân: 50.000đ/m² x 4206m² = 210.300.000đ.

- Bà Ch đang quản lý, tài sản: Lưới B40 trị giá 453.000đ; 01 chiếc xe Draem giá 6.500.000đ. Tài sản tại ngã 3 Công an bà Ch đã sử dụng có giá 7.540.000đ; 200 cây Cau cảnh giá 1.000.000đ; 04 cây Sâm banh giá 400.000đ. Tổng trị giá: 15.893.000đ

Bà Ch nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần được hưởng nên phải thanh toán cho ông K phần chênh lệch số tiền 83.705.600đ.

[5.2] Ông K được chia:

- Nhà và đất diện tích 67m² đất ở thuộc thửa đất 125, tờ bản đồ số 25, địa chỉ: số 19 đường Lê L thuộc Thôn Gia Ch, TT. Tăng Bạt H, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định:

Đất: 17.500.000đ/m² x 67m² = 1.172.500.000đ.

Nhà: (93.510.016đ x 67m²)/158,4m² = 39.552.847đ.

- 4206m² đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 02, khoảnh 1, tiểu khu 113, địa chỉ: Thôn Gia Tr, xã Ân Đ, huyện Hoài Ân: 50.000đ/m² x 4206m² = 210.300.000đ

- Ông K đang quản lý gỗ trị giá 50.000.000đ; Ngôi nhà ở tại Gia Tr, Ân Đ trị giá 46.983.240đ; tài sản trong nhà trị giá 13.023.170đ; cây trên rẫy trị giá 1.789.800đ; Về cây cảnh và các loại cây khác: 01 chậu Sanh giá 1.500.000đ, 01 chậu Bò đề giá 1.000.000đ, 01 chậu Sanh giá 4.000.000đ, 06 chậu Sanh giá 9.000.000đ, 01 chậu Sanh giá 1.000.000đ, 04 chậu Sanh giá 7.000.000đ, 03 chậu Sanh giá 4.500.000đ, 01 chậu Sanh giá 500.000đ, 06 cây sanh trồng ngoài đất giá 1.000.000đ, 02 cây Sanh trồng ngoài đất giá 2.500.000đ, 02 chậu Sanh giá 1.000.000đ, 07 cây Sanh trồng ngoài đất giá 2.000.000đ, 01 chậu Sanh giá 2.000.000đ, 02 cây Sanh ngoài đất giá 2.000.000đ, 01 gốc Sanh giá 2.000.000đ, 03 cây Sanh giá 1.800.000đ, 01 cây sanh ngoài đất giá 2.000.000đ, 01 cây Sanh ngoài đất giá 2.000.000đ, 06 cây Sanh ngoài đất giá 3.000.000đ, 02 cây Sanh ngoài đất giá 300.000đ, 05 cây keo tam giác giá 500.000đ, 05 cây sâm banh giá 3.000.000đ, 02 cây Sanh giá 2.000.000đ, 03 cây Sanh giá 900.000đ, 04 cây Mai nhỏ giá 200.000đ, 01 chậu Sanh nhỏ giá 100.000đ, 19 chậu bông giấy giá 500.000đ, 01 cây Sắn sản giá 1.500.000đ, 01 cây Sanh mỹ giá 1.000.000đ, 01 chậu Sanh giá 1.000.000đ, 02 chậu Sanh giá 650.000đ, 01 chậu Dầu giá 2.500.000đ, 12 chậu Mai giá 18.000.000đ, 01 chậu Duối giá 1.000.000đ, 02 cây Lộc vừng ngoài đất giá 2.500.000đ, 01 chậu Me giá 1.000.000đ, 01 cây Bằng lăng giá 500.000đ, 01 chậu Lộc vừng giá 500.000đ, 06 chậu Me giá 700.000đ, 06 chậu Mai lớn giá 45.000.000đ, 05 cây Chè giá 350.000đ, 03 cây Sứ giá 1.200.000đ, 01 cây Khế giá 3.500.000đ, 01 cây Duối giá 10.000.000đ, 01 cây Sanh giá 1.000.000đ, 01 cây Lộc vừng lớn giá 7.000.000đ, 23 cây Me nhật giá 1.800.000đ, 05 cây Keo vua giá 700.000đ, 10 cây Keo nhật giá 400.000đ, 01 cây bông Giấy giá 1.300.000đ, 04 cây

Keo tam giác giá 300.000đ, 01 cây Tò te giá 3.000.000đ, 05 chậu Mai chiếu thủy giá 1.500.000đ, 38 chậu Mai nhỏ giá 4.500.000đ, 02 chậu Phong lan giá 500.000đ, 03 bụi tre măng giá 150.000đ, 50 cây Sao giá 3.000.000đ, 08 cây Gió giá 2.040.000đ, 01 cây Sa bô chê giá 75.000đ, 06 cây Mít giá 384.000đ, 01 cây Cốc giá 180.000đ, 04 trụ Tiêu giá 720.000đ, 09 cây Dừa xiêm giá 945.000đ, 01 cây Quýt đường giá 180.000đ, 04 cây Xà cừ giá 1.056.000đ, 04 cây Dừa ta giá 1.000.000đ, 12 cây Chôm chôm giá 2.160.000đ, 01 cây Bưởi giá 180.000đ, 22 cây Bạch đàn giá 4.305.000đ. Tổng giá trị là 289.886.210đ.

Ông K được bà Ch thanh toán lại số tiền chênh lệch 83.705.600đ.

[6] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[6.1] Án phí chia tài sản: Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông K, bà Ch mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm 51.999.000đ

[6.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Ch không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6.3] Chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Ông K và bà Ch phải chịu 19.000.000đ theo khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Ch đã tạm ứng 19.000.000đ nên ông K phải hoàn lại cho bà Ch 9.500.000đ

[7] ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử. Về quan điểm về việc giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử trừ phần giao bà Ch sở hữu toàn bộ số gỗ còn lại ông K đang quản lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 289, khoản 2 Điều 308, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch.

Chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân về việc đề nghị thay đổi nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân.

Đình chỉ một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ch.

Sửa bản án sơ thẩm số: 171/2022/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

1. Bà Nguyễn Thị Ch được sở hữu, sử dụng:

1.1. Nhà và đất diện tích 91,4m² đất ở thuộc thửa đất 125, tờ bản đồ số 25, địa chỉ: số 19 đường Lê L thuộc Thôn Gia Ch, TT.Tăng Bạt H, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định. (Phần B của sơ đồ chi tiết kèm theo).

Bà Chín được sử dụng phần chuồng heo diện tích 8,1m² và nhà vệ sinh diện tích 2,7m² phần nằm ngoài diện tích 91,4m² cho đến khi nhà nước yêu cầu tháo dỡ.

1.2. Diện tích 4206m² đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 02, khoảnh 1, tiểu khu 113, địa chỉ: Thôn Gia Tr, xã Ân Đ, huyện Hoài Ân (Phần B của sơ đồ chi tiết kèm theo).

1.3. Bà Nguyễn Thị Ch có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Trọng K số tiền 83.705.600đ (tám mươi ba triệu bảy trăm linh năm nghìn sáu trăm) đồng.

2. Ông Nguyễn Trọng K được sở hữu, sử dụng:

2.1. Nhà và đất diện tích 67m² đất ở thuộc thửa đất 125, tờ bản đồ số 25, địa chỉ: số 19 đường Lê L thuộc Thôn Gia Ch, TT.Tăng Bạt H, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định. (Phần A của sơ đồ chi tiết kèm theo).

Ông K được sử dụng phần chuồng heo diện tích 9,6m² phần nằm ngoài diện tích 67m² cho đến khi nhà nước yêu cầu tháo dỡ.

2.2. Diện tích 4206m² đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 02, khoảnh 1, tiểu khu 113, địa chỉ: Thôn Gia Tr, xã Ân Đ, huyện Hoài Ân (Phần A của sơ đồ chi tiết kèm theo).

3. Phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí, chi phí tố tụng.

4.1. Án phí chia tài sản:

Bà Nguyễn Thị Ch phải chịu 51.999.000đ nhưng được trừ vào 5.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 02216 ngày 10/11/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

Ông Nguyễn Trọng K phải chịu 51.999.000đ nhưng được trừ vào 5.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 02216 ngày 10/11/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Ch 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 010659 ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

4.3. Chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyễn Trọng K có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ch 9.500.000 (chín triệu năm trăm nghìn) đồng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND H. Hoài Ân;
- CCTHADS H. Hoài Ân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa GD&NCTN.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Hồng Thu